

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 6 -2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Huế;
2. Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1947.

Địa chỉ cư trú: Xóm M, xã NK, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Xóm X, xã NC, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị N; sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Xóm M, xã NK, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn T, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: Xóm M, xã NK, huyện N, tỉnh Nghệ An; là bố đẻ của chị Võ Thị N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/11/2017 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Chị Võ Thị N bị bệnh câm điếc bẩm sinh, không biết chữ. Mặc dù bị câm điếc bẩm sinh nhưng Võ Thị N tự phục vụ bản thân, lao động kiếm sống và tự quyết định tình cảm của mình. Năm 2002 chị Võ Thị N và Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và quyết định đăng ký kết hôn ngày 7/7/2003 tại UBND xã NC, huyện N, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn Võ Thị N và Nguyễn Văn T chung sống với nhau tại nhà anh Nguyễn Văn T được 1 tuần thì thấy anh Nguyễn Văn T đối xử không tốt với cha mẹ đẻ và đánh đập, hăm dọa, thậm chí có lần bóp cổ Võ Thị N nên Võ Thị N sợ hãi tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2003 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau, không liên quan giúp đỡ nhau. Anh Nguyễn Văn T đã chung sống với người khác có 3 con chung với vợ sau. Do chị Võ Thị N không biết chữ, chỉ viết được tên của mình, không viết được đơn xin ly hôn được. Nguyên đơn là bố đẻ của chị Võ Thị N, thấy chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T không chung sống với nhau đã lâu cũng không quan tâm chăm sóc nhau nữa, chị Võ Thị N tự nguyện bỏ về ở với cha mẹ đẻ cho đến nay đã gần 15 năm, hiện nay chị Võ Thị N muốn xin ly hôn nhưng không thể tự mình thực hiện thủ tục khởi kiện và tham gia tố tụng được. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 16 tháng 1 năm 2004. Nguyên vọng khi ly hôn chị Võ Thị N trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con, vì từ khi sinh con đến nay con chung do một mình chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không quan tâm và không có trách nhiệm gì.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung gì lớn nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn T thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân và điều kiện chung sống. Chị Võ Thị N là người bị khuyết tật về thể chất, không nghe, không nói được nhưng chị N vẫn tự lao động, sinh hoạt, làm chủ bản thân. Bị đơn và chị Võ Thị N đã tự nguyện dành tình cảm yêu thương nhau và vượt qua trở ngại để kết hôn, chung sống với nhau. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, chị Võ Thị N bị khuyết tật về thể chất nên gặp nhiều hạn chế trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2003 đến nay không thăm hỏi,

chăm sóc lẫn nhau. Nay bị đơn thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bị đơn yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như nguyên đơn trình bày. Vợ chồng ly hôn, bị đơn nhường quyền nuôi con cho chị Võ Thị N cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018 cháu Nguyễn Thị T trình bày: Cháu Nguyễn Thị T chung sống cùng mẹ Võ Thị N và ông bà ngoại từ nhỏ cho đến nay. Cháu sinh sống, học tập ổn định trong tình yêu thương của mẹ và ông bà ngoại. Bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được sống cùng mẹ. Nguyện vọng được sống với mẹ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị N bị câm, điếc, không biết chữ nên Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ được.

Ngày 19/12/2017, Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T được cung cấp thông tin: Chị Võ Thị N là người bị câm điếc bẩm sinh nhưng vẫn nhận thức được, tự sinh hoạt, lao động bình thường. Năm 2003 chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N một thời gian ngắn thì chị N về bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay là do chị N bị khuyết tật câm, điếc bẩm sinh, vợ chồng không hiểu nhau, anh Tiến nhiều khi uống rượu say không làm chủ được bản thân dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình. Sau khi chị Niềm về sống cùng bố mẹ đẻ tại xã NK thì năm 2004 chị N sinh cháu Nguyễn Thị T. Cháu T sinh sống cùng chị N và ông bà ngoại ổn định từ khi mới sinh cho đến nay. Hiện cháu T học tập ổn định, phát triển thể chất và tinh thần bình thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ điều 239 đến điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 186, khoản 5 Điều 187, điểm b khoản 2 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83

Luật Hôn nhân và gia đình: Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 16 tháng 1 năm 2004 cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T do ông Võ Văn T không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Do nguyên đơn khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người khác theo trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 187 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị Võ Thị N với anh Nguyễn Văn T, có địa chỉ cư trú tại xóm X, xã NC, huyện N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về quyền khởi kiện vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình nhưng do chị Võ Thị N là người bị khuyết tật về thể chất, bị câm, điếc bẩm sinh, khó khăn trong nhận thức, không thể tự mình làm đơn khởi kiện được. Mặt khác, theo trình bày của nguyên đơn cũng như qua xác minh tại địa phương thì trong quá trình vợ chồng chung sống, anh Nguyễn Văn T nhiều lần uống rượu, không làm chủ được bản thân, đối xử không tốt với cha mẹ đẻ và đánh đập, hăm dọa, thậm chí có lần bóp cổ Võ Thị N nên Võ Thị N sợ hãi, ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Như vậy ông Võ Văn T là bố đẻ của chị Võ Thị N có quyền khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Võ Thị N theo quy định tại Điều 186, khoản 5 Điều 187, điểm b khoản 2 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng do chị N không thể nghe nói được và có người đại diện hợp pháp là ông Võ Văn T tham gia phiên tòa.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 7 năm 2003 tại UBND xã NC, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về lối sống, chị N bị khuyết tật thể chất, cảm điếc bẩm sinh dẫn đến khó khăn trong cuộc sống vợ chồng. Anh T nhiều lần uống rượu say không làm chủ được bản thân dẫn đến các hành động làm cho chị N lo sợ, ảnh hưởng đến tinh thần của chị N. Chị N đã về sống chung với bố mẹ đẻ từ cuối tháng 7 năm 2003 đến nay, anh T đã chung sống với người khác. Xét chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T không chung sống với nhau trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng được ly hôn vì không còn tình cảm. Do chị N không thể tự mình khởi kiện vụ án nên bố đẻ của chị N là ông Võ Văn T làm đơn khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T về việc xử cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 16 tháng 1 năm 2004. Ông Võ Văn T yêu cầu vợ chồng ly hôn giao con chung cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành vì từ nhỏ đến nay con chung sống cùng chị Võ Thị N và ông bà ngoại, phát triển thể chất bình thường, học tập ổn định. Mặc dù chị N bị khuyết tật cảm điếc nhưng vẫn tự lao động kiếm sống, yêu thương, chăm sóc con đầy đủ. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị T bố mẹ ly hôn muốn được sống cùng mẹ. Anh Nguyễn Văn T đồng ý nhường quyền nuôi con chung cho chị Võ Thị N. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn T giao con chung cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Văn T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do nguyên đơn khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người khác trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 187 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 186, khoản 5 Điều 187, điểm b khoản 2 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 16 tháng 1 năm 2004 cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T do ông Võ Văn T không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã NK, huyện N;
- UBND xã NC, huyện N;
- Lưu HSVA; VPTA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lại

